TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022
V/v: "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Huệ và bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị S, sinh năm 1979. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Tiến P, sinh năm 1978. Có mặt.

Cùng trú tại: Xóm A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Tiến P tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do tính cách không hợp, không tin tưởng nghi ngờ gây khó dễ cho nhau trong cuộc sống. Anh chị đã cố gắng thay đổi bản thân để gia đình có được hạnh phúc nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Tiến P.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Tiến T, sinh ngày 15/5/1996; Lê Tiến Đ, sinh ngày 22/6/1999; Lê Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2012. Lê Tiến T và Lê Tiến Đ đã trưởng thành ở với ai do các con lựa chọn. Ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Tiến Đ. Chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Tiến P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống bình thường cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S không tin tưởng, thường xuyên nghi ngờ anh có mối quan hệ tình cảm với phụ nữ khác. Hiện nay chị S đã thuê nhà trọ ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân. Anh và các con đã nói chuyện khuyên bàn chị S trở về gia đình đoàn tụ nhưng chị S không đồng ý. Nay chị S yêu cầu được ly hôn, anh cũng đồng ý. Vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Vợ chồng 03 con chung là Lê Tiến T, sinh ngày 15/5/1996; Lê Tiến Đ, sinh ngày 22/6/1999; Lê Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2012. Lê Tiến T và Lê Tiến Đ đã trưởng thành ở với ai do các con lựa chọn. Ly hôn anh đồng ý giao con chung là Lê Tiến Đ cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Đạt: Bố là Lê Tiến P, mẹ là Hồ Thị S. Bố mẹ cháu đã ly thân, cháu đang ở với mẹ. Bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ vì mẹ nuôi dưỡng cháu tốt.

Kết quả xác minh tại UBND xã T: Anh Lê Tiến P hiện nay đang có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Chị Hồ Thị S và anh Lê Tiến P chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hiện nay chị S, anh P cũng không đăng ký kết hôn với ai khác. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào địa phương không nắm rõ vì không hòa giải tại địa phương. Hiện nay chị S và anh P đã sống ly thân. Chị S và anh P có 03 con chung là Lê Tiến T, sinh ngày 15/5/1996; Lê Tiến Đ, sinh ngày 22/6/1999; Lê Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2012. Lê Tiến T và Lê Tiến Đ đã trưởng thành, đã lập gia đình riêng. Lê Tiến Đ hiện nay đang ở với chị S. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là Lê Tiến Đ cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 15, 51, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tình cảm: Tuyên bố không công nhận chị Hồ Thị S và anh Lê Tiến P là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2012 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản: không ai yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Hồ Thị S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Tiến P, có nguyện vọng nuôi con chung đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Tiến P có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị S và anh Lê Tiến P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tin tưởng, nghi ngờ nhau, vợ chồng đã cố gắng thay đổi bản thân để có được hạnh phúc, đã hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân và cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Do đó cần căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, không công nhận chị Hồ Thị S và anh Lê Tiến P là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Lê Tiến T và Lê Tiến Đ đã trưởng thành ở với ai do các con lựa chọn. Nguyện vọng của chị S xin được nuôi cháu Lê Tiến Đ là chính đáng, thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Đ ở với chị S, chị S đảm bảo các điều kiện về học tập, sinh hoạt. Cháu Đ có nguyện vọng xin được ở với chị S, anh P đồng ý giao cháu Đ cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nghĩa vụ nuôi con là của bố mẹ, chị S anh P thỏa thỏa thuận anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 5/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành, việc thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với quy định nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị S và anh Lê Tiến P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 03/7/2012 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không ai yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0007744 ngày 21/4/2022.

Anh Lê Tiến P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị S, anh Lê Tiến P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nghệ